

Số: 1573 /QĐ-SGTVT

Thừa Thiên Huế, ngày 01 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 12/03/2015 của UBND tỉnh về việc xây dựng, áp dụng, công bố, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và hoạt động kiểm tra tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Giao thông vận tải phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các lĩnh vực hoạt động tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 1463/QĐ-SGTVT ngày 26/8/2020 về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Khoa học & Công nghệ;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Lê Anh Tuấn

**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐƯỢC
CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1573 /QĐ-SGTVT ngày 01/9/2021
của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế)*

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực giao thông đường bộ:
1.	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng
2.	Thỏa thuận xây dựng điểm đầu nối với đường bộ
3.	Chấp thuận đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ đang khai thác
4.	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải
5.	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải
6.	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ
7.	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật, phương án tổ chức giao thông của nút giao, điều kiện đảm bảo trật tự an toàn giao thông cho điểm đầu nối vào đường tỉnh và quốc lộ ủy thác
8.	Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác
9.	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ
10.	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường tỉnh và quốc lộ ủy thác
11.	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải
12.	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ
13.	Gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào
14.	Cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS cho phương tiện của các doanh nghiệp, hợp tác xã
15.	Cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS cho phương tiện của các doanh nghiệp, hợp tác xã
16.	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (Đối với ô tô vận tải khách du lịch).
17.	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (Đối với ô tô vận tải khách du lịch)
18.	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (Đối với ô tô vận tải khách du lịch)

19.	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo
20.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu
21.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn
22.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng
23.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
24.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất
25.	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố
26.	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
27.	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến
28.	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
29.	Cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện
30.	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện
31.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
32.	Đăng ký khai thác tuyến
33.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng
34.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng
35.	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)
36.	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)
37.	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác
38.	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác
39.	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp
40.	Cấp mới Giấy phép lái xe
41.	Cấp lại Giấy phép lái xe
42.	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp
43.	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp
44.	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp
45.	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam
46.	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô
47.	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo

48.	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác
49.	Cấp Giấy phép xe tập lái
50.	Cấp lại Giấy phép xe tập lái
51.	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe ô tô
52.	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe ô tô (trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe)
53.	Cấp Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động
54.	Cấp lại Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động
II	Lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa:
55.	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương
56.	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng
57.	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa
58.	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa
59.	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông
60.	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng
61.	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa
62.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa
63.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình
64.	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa
65.	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát
66.	Thủ tục đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát
67.	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa
68.	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không có nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
69.	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa
70.	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa
71.	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô
72.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa
73.	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa
74.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật

75.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
76.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
77.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác
78.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
79.	Xoá Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
80.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
81.	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu
82.	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước
83.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước
84.	Xoá đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước
85.	Công bố hoạt động bến thủy nội địa
86.	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính
87.	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa
88.	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (Đối với phương tiện thủy nội địa vận tải khách du lịch)
89.	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (Đối với phương tiện thủy nội địa vận tải khách du lịch)
90.	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (Đối với phương tiện thủy nội địa vận tải khách du lịch)
91.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (cơ sở đào tạo loại 4)
92.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (cơ sở đào tạo loại 4)
93.	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn
94.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa
95.	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu
96.	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa
97.	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa
98.	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa
99.	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa
100.	Thiết lập khu neo đậu
101.	Công bố hoạt động khu neo đậu
102.	Công bố đóng khu neo đậu
103.	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa

